

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11/7/2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Dũng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kiều Thu;

2. Ông Nguyễn Bính;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Vũ Thùy Chi – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phan Thiết .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết: Bà Cao Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 55/2022/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 02 năm 2022 về việc “*Ly hôn, nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/6/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 128/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23/6/2022 giữa:

+ Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn Phú Sung, xã Hàm Cường, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận

+ Bị đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn Tiến Thạnh, xã Tiến Lợi, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn bà Lê Thị H, vắng mặt bị đơn ông Lê Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/10/2021, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Lê Văn L sống chung từ năm 2009 và tự nguyện tìm hiểu, quen biết nhau, đến năm 2013 thì đi đến kết hôn tại UBND xã Hàm Cường, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 77/2013 ngày 14/6/2013.

Sau khi chung sống một thời gian, thì hai bên không còn hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, không hợp nhau cả về tư tưởng cũng như cách sống. Tôi thấy, cuộc sống hôn nhân ngày càng rơi vào tình trạng trầm trọng không lối thoát, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn quan hệ hôn nhân giữa tôi và ông Lê Văn L.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung tên Lê Bảo N, sinh ngày 26/3/2012 và Lê Gia B, sinh ngày 15/4/2016.

Sau khi ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, tôi yêu cầu ông Lê Văn L cấp dưỡng mỗi con hàng tháng số tiền là 1.000.000 đồng (tức 2.000.000 đồng/2con).

Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi không có, chúng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ông Lê Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Lê Văn L không đến Tòa và từ chối tham gia các phiên hòa giải cũng như cố tình vắng mặt nên Tòa án không tiến hành các thủ tục như mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia các thủ tục của Tòa án được.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:**

- *Về tố tụng:* Đối với Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi xét xử thực hiện đúng theo thủ tục. Hội đồng xét xử đúng như quyết định đưa vụ án ra xét xử, Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư khách quan khi xét xử, các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- *Về nội dung:* Căn cứ vào các chứng cứ tại hồ sơ thể hiện mâu thuẫn giữa bà Lê Thị H, ông Lê Văn L đã trầm trọng. Do đó, căn cứ Điều 51, 53, 54, 56, 81, 82, 83 Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị H về việc xin ly hôn với ông Lê Văn L và giao 02 con chung tên Lê Bảo N, sinh ngày 26/3/2012 và Lê Gia B, sinh ngày 15/4/2016 cho bà được trực tiếp nuôi dưỡng, bà Lê Thị H yêu cầu ông Lê Văn L cấp dưỡng mỗi con hàng tháng số tiền là 1.000.000 đồng (tức 2.000.000 đồng/2con).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lê Văn L, ông Lê Văn L có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú là Thôn Tiến Thạnh, xã Tiến Lợi, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Lê Văn L không đến Tòa và từ chối tham gia các phiên hòa giải cũng như cố tình vắng mặt nên Tòa án không tiến hành các thủ tục như mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia các thủ tục của Tòa án được. Căn cứ vào Điều 70, Điều 72, Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xem như ông Lê Văn L đã tự khước từ quyền, lợi ích hợp pháp của mình và tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Văn L.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H và ông Lê Văn L có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 77/2013 ngày 14/6/2013 tại UBND xã Hàm Cường, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận nên quan hệ hôn nhân của bà Lê Thị H và ông Lê Văn L là hợp pháp.

Luật hôn nhân và gia đình quy định vợ chồng thì phải biết thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng xây dựng gia đình hạnh phúc đồng thời phải biết tôn trọng, giữ gìn danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau. Qua lời khai của bà Lê Thị H, cũng như xác minh tại địa phương thể hiện thực tế cuộc sống hôn nhân của bà Lê Thị H, ông Lê Văn L không còn hạnh phúc, ông bà không còn quan tâm, tôn trọng, chung sống với nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, ông bà đã không yêu thương và quan tâm lẫn nhau từ nhiều năm nay, không còn muốn hàn gắn mối quan hệ mặc dù đã nhiều lần nói chuyện với nhau để vì con mà xây dựng lại từ đầu, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Qua biên bản xác minh tại địa phương, cụ thể là bà Nguyễn Thị Kim Anh là mẹ ruột đồng thời là chủ hộ của ông L được biết trước đây ông L và bà H cùng chung sống với nhau tại là vợ ở Thôn Phú Sung, xã Hàm Cường, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận. Hơn 01 năm nay, do mâu thuẫn vợ chồng nên ông L về lại nhà mẹ ruột tại thôn Tiến Thạnh, xã Tiến Lợi để ở, còn bà H thì vẫn ở tại nhà mẹ ruột tại thôn Phú Sung, xã Hàm Cường.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Văn L mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để đến Tòa trình bày ý kiến và tham gia phiên hòa giải, tuy nhiên ông Lê Văn L không đến hòa giải nên Tòa án không thể hàn gắn tình cảm cho ông bà, như vậy ông Lê Văn L đã tự khước từ việc hòa giải và quyền lợi của mình. Điều này chứng tỏ mối quan hệ hôn nhân của ông bà đã thật sự rạn nứt, ông Lê Văn L không muốn hòa giải tình cảm với bà Lê Thị H nếu tiếp tục chung sống cũng không có hạnh phúc. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi và nhằm ổn định cuộc sống cho các bên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị H là phù hợp.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Bảo N, sinh ngày 26/3/2012 và Lê Gia B, sinh ngày 15/4/2016. Hiện nay 02 con chung đang do bà Hương trực tiếp nuôi dưỡng, bà Lê Thị H có yêu cầu ông Lê Văn L cấp dưỡng mỗi con hàng tháng số tiền là 1.000.000 đồng (tức 2.000.000 đồng/2con). Xét yêu cầu này Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao con chung cho ai nuôi phải bảo đảm đời sống của các cháu được ổn định, nuôi dưỡng trong điều kiện tốt nhất. Giao con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về phương thức cấp dưỡng nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị H có yêu cầu ông Lê Văn L cấp dưỡng mỗi con hàng tháng số tiền là 1.000.000 đồng (tức 2.000.000 đồng/2con), nên chấp nhận yêu cầu này của bà Lê Thị H là phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung: Do bà Lê Thị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà Lê Thị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét ý kiến trình bày của đương sự, cũng như quan điểm đề nghị tại Tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận về việc xin ly hôn của bà Lê Thị H, giao 02 con chung cho bà Hương tiếp tục nuôi dưỡng và yêu cầu ông Lê Văn L cấp dưỡng mỗi con hàng tháng số tiền là 1.000.000 đồng (tức 2.000.000 đồng/2con) là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí về việc yêu cầu xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị H. Bà Lê Thị H được ly hôn với ông Lê Văn L.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Lê Bảo N, sinh ngày 26/3/2012 và Lê Gia B, sinh ngày 15/4/2016 cho bà Lê Thị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chưa thành niên, các con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về phương thức cấp dưỡng nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Lê Văn L cấp dưỡng tiền nuôi 02 con chung Lê Bảo N và Lê Gia B là cấp dưỡng mỗi con hàng tháng số tiền là 1.000.000 đồng (tức 2.000.000 đồng/2con), kể từ khi án có hiệu lực cho đến khi 02 con tròn 18 tuổi và có khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 01 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 02 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về tài sản chung: Bà Lê Thị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà Lê Thị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ngày 16/02/2022 bà Lê Thị H đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí do Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố Phan Thiết thu biên lai số 0004317 nay được chuyển sang án phí.

Ông Lê Văn L phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng tiền nuôi chung.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày tính từ ngày tuyên án (11/7/2022), quyền kháng cáo của bị đơn là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND TP. Phan Thiết;
- Thi hành án dân sự Phan Thiết;
- UBND xã, phường (nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Dũng

